# ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VẬN DỤNG CHUẨN MỰC KẾ TOÁN TẠI VIỆT NAM VÀ SỰ CẦN THIẾT ÁP DỤNG CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ

**TS. Đường Thị Quỳnh Liên***

***Chuẩn mực kế toán là tập hợp các nguyên tắc, các yêu cầu cơ bản để hướng dẫn người làm kế toán nhận thức, ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chuẩn mực kế toán tạo ra một hệ thống quan điểm hành xử thống nhất cho tất cả các kế toán viên trong các doanh nghiệp. Việc vận dụng đúng chuẩn mực kế toán là một vấn đề rất quan trọng trong công tác kế toán với cả doanh nghiệp và các tổ chức liên quan. Nghiên cứu này được thực hiện để đánh giá tình hình vận dụng chuẩn mực kế toán tại Việt Nam, phân tích những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân tồn tại trong quá trình triển khai và thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chỉ ra sự cần thiết của việc triển khai áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) từ đó đề xuất một số kiến nghị liên quan.***

• Từ khóa: *báo cáo tài chính, chuẩn mực kế toán, kế toán, kiểm toán.*

*Accounting standards are a set of principles, basic requirements to guide accountants in recognizing, recording, and reflecting economic transactions. Accounting standards establish a uniform behavioral perspective for all accountants in enterprises. Proper application of accounting standards is crucial in accounting work for both enterprises and related organizations. This study aims to evaluate the situation of applying accounting standards in Vietnam, analyze the advantages, limitations, and existing reasons in the implementation of Vietnamese Accounting Standards, highlight the necessity of adopting the International Financial Reporting Standards (IFRS), and propose relevant recommendations.*

• Key words: *financial report, accounting standards, accounting, audit.*

*Ngày nhận bài: 25/11/2025*
*Ngày gửi phản biện: 18/01/2026*
*Ngày duyệt đăng: 09/02/2026*
*DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i307.20*

## 1. Đặt vấn đề

Chuẩn mực kế toán Việt Nam được ban hành từ năm 2000 đến năm 2005, với 26 chuẩn mực, cùng với các Chế độ kế toán, Thông tư hướng dẫn, nhằm thực hiện Chuẩn mực kế toán. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân tồn tại trong quá trình triển khai và thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù có những đóng góp to lớn trong việc công khai, minh bạch báo cáo tài chính (BCTC), nhưng trong giai đoạn hội nhập và phát triển như hiện nay, Chuẩn mực kế toán Việt Nam vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế và chưa bắt kịp với xu hướng kế toán quốc tế. Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đang dần thiết lập các khung khổ pháp lý theo thông lệ các nước nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng thông tin báo cáo tài chính (BCTC). Tuy nhiên, thực trạng việc áp dụng chuẩn mực kế toán (CMKT) của các doanh nghiệp (DN) Việt Nam còn nhiều bất cập. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau bởi những yếu tố về môi trường pháp lý, kinh doanh và văn hóa, bởi sự đan xen và thiếu tính thống nhất giữa CMKT và Luật kế toán cũng như chế độ kế toán. Kế toán Việt Nam cần có những cải tiến nhất định nhằm tạo sự hài hòa để hướng đến sự đồng bộ mang tính hệ thống.

Trong hội nhập, để cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển bền vững, hỗ trợ thị trường tài chính, bảo vệ nhà đầu tư và thu hút đầu tư nước ngoài, đòi hỏi đặt ra là cần phải nâng cao tính minh bạch của thông tin tài chính. Đặc biệt, để tiếp cận các dòng vốn trên thị trường quốc tế, niêm yết tại thị trường nước ngoài, yêu cầu lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) là nhu cầu bức thiết và là xu hướng tất yếu của các tập đoàn, các công ty đại chúng.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Chuẩn mực kế toán bao gồm cả quy định và phương pháp kế toán cơ bản. Điều này áp đặt một khuôn khổ chặt chẽ, giúp đảm bảo sự thống nhất trong quá trình ghi chép, phân loại, tổng hợp và lập báo cáo tài chính. Việc này không chỉ hỗ trợ quản lý hiệu quả mà còn tạo ra một cơ sở dữ liệu tin cậy cho các bên liên quan, bao gồm cả cổ đông, ngân hàng, và cơ quan quản lý.

** Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh; email: quynhlien140679@gmail.com*

Bộ Tài chính có vai trò quan trọng trong việc quy định chuẩn mực kế toán và đạo đức nghề nghiệp kế toán. Việc áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam là một bước quan trọng để tích hợp quốc tế và tạo điều kiện công bằng cho các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia thị trường quốc tế. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng báo cáo tài chính mà còn tạo ra một môi trường kinh doanh trong sáng và minh bạch.

Chuẩn mực kế toán, do đó, không chỉ là một bộ khung hướng dẫn cho việc quản lý tài chính, mà còn là công cụ quan trọng để xây dựng lòng tin của cộng đồng kinh doanh và nhà đầu tư. Việc tuân thủ đúng đắn chuẩn mực này không chỉ giúp doanh nghiệp tránh được các rủi ro pháp lý mà còn làm tăng giá trị của công ty trong mắt các bên liên quan.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc có một hệ thống chuẩn mực kế toán và đạo đức nghề nghiệp kế toán đồng nhất không chỉ là cần thiết mà còn là quan trọng để tạo ra sự đồng bộ và tích hợp trong quản lý tài chính toàn cầu. Việc nâng cao chất lượng và minh bạch trong kế toán không chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp mà còn là trách nhiệm của hệ thống quy định và cộng đồng kế toán chuyên nghiệp.

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đang chấp nhận và áp dụng hai hệ thống chuẩn mực kế toán chính, đó là Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/IFRS). Mỗi hệ thống này mang lại những ưu điểm và lợi ích riêng, đồng thời đáp ứng các yếu tố cụ thể của nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) do Bộ Tài chính Việt Nam ban hành, được xây dựng trên cơ sở linh hoạt vận dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/IFRS) thông qua một quá trình lựa chọn cẩn thận. Điều này giúp định hình VAS sao cho phản ánh chân thực và khách quan về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam. VAS thường được ưu tiên áp dụng đối với doanh nghiệp nội địa và những doanh nghiệp quốc tế có hoạt động tại Việt Nam, nhằm tối ưu hóa tính phù hợp và linh hoạt của hệ thống kế toán.

Trong khi đó, Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) ban hành, đại diện cho một tiêu chuẩn có ảnh hưởng toàn cầu. Việc áp dụng IAS/IFRS làm cho thông tin kế toán trở nên có thể so sánh được trên quy mô quốc tế, đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp có quốc tế hóa và hoạt động với vốn đầu tư nước ngoài. Điều này tạo ra một cơ hội để doanh nghiệp tận dụng tốt nhất từ sự hội nhập toàn cầu và thu hút vốn đầu tư quốc tế.

**3. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở phương pháp luận. Việc vận dụng phương pháp này được cụ thể qua nội dung cơ sở lý thuyết về CMKT

- Kết hợp nghiên cứu lý luận với thực tế vận dụng các Chuẩn mực kế toán tại Việt Nam và sự cần thiết áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế. Phương pháp này được sử dụng thông qua nội dung trình bày về sự vận dụng CMKT Việt Nam

- Phương pháp kỹ thuật: kết hợp với các phương pháp so sánh, phân tích đánh giá, tổng hợp, quy nạp, diễn giải…

- Tham khảo ý kiến của các chuyên gia, kế thừa các kết quả đã nghiên cứu.

**4. Kết quả nghiên cứu tình hình vận dụng các chuẩn mực kế toán**

Theo Báo cáo tóm tắt đánh giá CMKT và Chế độ kế toán DN Việt Nam do Cục Quản lý giám sát kế toán kiểm toán, Bộ Tài chính, từ năm 2000 đến năm 2005, Việt Nam đã ban hành 26 VAS bằng cách vận dụng có chọn lọc các quy định của chuẩn mực quốc tế nhằm nâng cao tính minh bạch, trung thực của BCTC. Thêm vào đó, Bộ Tài chính đã ban hành các Chế độ kế toán và các Thông tư hướng dẫn áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp. Sự thay đổi này đóng góp đáng kể vào việc quản trị, điều hành của các doanh nghiệp, phù hợp với yêu cầu quản lý của Nhà nước để hội nhập với nền kinh tế thế giới.

***4.1. Những mặt đạt được***

Hệ thống chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam (VAS) đã đạt được những thành quả nhất định. Việt Nam đã hình thành một hệ thống các chuẩn mực phản ánh tương đối đầy đủ các giao dịch cơ bản của doanh nghiệp (DN). Điều đáng ghi nhận là các chuẩn mực này được xây dựng và ban hành khá nhanh chóng. Bước đầu giải quyết được mối quan hệ giữa chuẩn mực và hệ thống kết toán thống nhất. Đây là một thách thức của tất cả các quốc gia hội nhập kế toán trong điều kiện đang tồn tại hệ thống kế toán thống nhất.

Đồng thời, đã tạo dựng được sự nhận thức của xã hội về CMKT. Các bên liên quan đến báo cáo tài chính (BCTC) đều ý thức ở mức độ nhất định về vai trò của CMKT trong công tác lập và trình bày BCTC. Đây là một trong những thành quả đáng lưu ý, vì Việt Nam hình thành chuẩn mực trong bối cảnh khái niệm này còn hoàn toàn mới mẻ.

VAS và Chế độ kế toán DN được xây dựng dựa trên nền tảng của Chuẩn mực quốc tế đã góp phần thiết lập được hệ thống công cụ quản lý hữu hiệu, đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế của Nhà nước trong giai đoạn đầu của thời kỳ hội nhập quốc tế, khơi thông dòng vốn FDI, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc bảo vệ các nhà đầu tư và tạo dựng môi trường kinh doanh lành mạnh nhằm phát triển bền vững. VAS hướng đến việc trình bày thông tin tài chính một cách thận trọng, đề cao sự ổn định và an toàn tài chính. Do đó, VAS đã góp phần hạn chế những sự không minh bạch về tài chính của DN nhằm phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

VAS và Chế độ kế toán DN đã góp phần nâng cao tính trung thực, minh bạch của BCTC, trách nhiệm giải trình của DN. Thông tin tài chính được cung cấp dựa trên nền tảng VAS và Chế độ kế toán DN đã giúp Ban lãnh đạo DN đánh giá được tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm báo cáo, cũng như dự báo kết quả hoạt động và dòng tiền trong tương lai để đưa ra các quyết định kinh tế hiệu quả.

Mặc dù vẫn còn nhiều khác biệt so với thông lệ quốc tế nhưng VAS và Chế độ kế toán DN đã đáp ứng một phần yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài và các nhà tài trợ quốc tế.

***4.2. Những mặt tồn tại***

Hiện nay, VAS đã bộc lộ nhiều hạn chế, một số nội dung chưa phù hợp với các giao dịch của kinh tế thị trường trong giai đoạn mới và xuất hiện nhiều công cụ tài chính phức tạp. Đặc biệt, thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, thu hút ngày càng nhiều các nhà đầu tư, tổ chức nước ngoài đến tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Vì vậy, Nhà nước đã có những chủ trương đẩy nhanh việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kế toán, góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới cũng như công cuộc cải cách thể chế tại Việt Nam.

So với 41 CMKT quốc tế (IAS), Việt Nam còn thiếu nhiều chuẩn mực như chuẩn mực về nông nghiệp, về thăm dò và khai thác tài nguyên khoáng sản, về nhóm công cụ tài chính phái sinh, về tổn thất tài sản, về giá trị hợp lý,... dẫn đến khó khăn cho công tác kế toán của DN.

*Một là*, sự khác biệt của VAS so với chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS), đồng thời chưa có sự bổ sung, chỉnh sửa kịp thời. Năm 2001 là thời điểm ban hành CMKT đầu tiên, trong giai đoạn này kinh tế Việt Nam nói chung mới phát triển, cơ sở hạ tầng kế toán đang dần hoàn thiện. Vì thế nhằm tránh biến động kinh tế cũng như để phù hợp với đặc điểm riêng của nền kinh tế nên khi xây dựng CMKT, Việt Nam đã điều chỉnh một số nguyên tắc, phương pháp và những nội dung CMKT không tương thích hoặc chưa cần thiết trong thời kỳ này.

Chính điều này đã tạo sự khác biệt về nội dung giữa VAS so với IFRS. Ngoài ra, trong hơn 7 năm qua, nhiều chuẩn mực quốc tế đã được ban hành hoặc ban hành lại nhưng Việt Nam mới chỉ tiến hành việc cập nhật gần đây. Điều này càng làm tăng thêm khoảng cách giữa hai hệ thống. Bên cạnh đó, hệ thống CMKT từ khi ban hành lần đầu năm 2001 đến nay mặc dù đã có những góp ý sửa đổi nhưng đến nay qua nhiều năm vẫn chưa được cập nhật để bổ sung, hoàn chỉnh cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu thực tế.

*Hai là*, phạm vi chi phối của hệ thống VAS: Hệ thống VAS hiện nay được ban hành áp dụng chung cho tất cả DN thuộc các ngành, các thành phần kinh tế, không phân biệt DN niêm yết và không niêm yết, DN có quy mô lớn hay nhỏ và vừa. Nếu CMKT được áp dụng chung sẽ dẫn đến nơi thiếu, chỗ thừa. Điều này dẫn đến hệ thống hiện hành chưa đáp ứng được yêu cầu, trong khi đó phần lớn DN nhỏ và vừa không niêm yết thì hệ thống CMKT trở nên quá tầm, nhiều nội dung quá phức tạp.

*Ba là,* sự bất tương quan giữa các CMKT và chế độ kế toán (CĐKT) DN: Để đi vào thực tiễn, hệ thống VAS phải thông qua các hướng dẫn hay quy định của CĐKT DN. Lý do là các DN Việt Nam buộc phải sử dụng hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam. Do đó, một khi chuẩn mực được ban hành nhưng chưa có thông tư hướng dẫn, các DN chưa thể áp dụng cho đến khi thông tư hướng dẫn được ban hành. Vì vậy, trên thực tế khi có những

vấn đề chưa nhất quán giữa chuẩn mực và CĐKT DN, các DN thường ưu tiên áp dụng theo CĐKT. Đây là một nguyên nhân giảm vai trò của CMKT và tạo khó khăn khi áp dụng trong thực tiễn các chuẩn mực.

*Bốn là*, khả năng xử lý và mức độ triển khai CMKT trong thực tế đạt hiệu quả chưa cao. CMKT đã xử lý và giải quyết cơ bản các vấn đề liên quan đến thực tiễn hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, việc triển khai, áp dụng CMKT vào thực tiễn chưa hiệu quả và có sự giảm dần từ ghi nhận đến trình bày thông tin và đánh giá.

*Năm là,* tính tuân thủ của các DN trong việc áp dụng VAS còn hạn chế. Việc tuân thủ CMKT trong thực tiễn của các DN nói chung và DN nhà nước nói riêng còn hạn chế và hiện trạng cho thấy, các DN khi thực thi chính sách kế toán đã chưa tuân thủ đúng mức đến các điều kiện ghi nhận, phương pháp đánh giá và đặc biệt là trình bày và công bố thông tin theo yêu cầu CMKT.

***4.3. Nguyên nhân của những tồn tại***

*Hoàn cảnh lịch sử:* VAS được ban hành vào những năm đầu thế kỷ XXI, khi các giao dịch của nền kinh tế thị trường chưa phát sinh nhiều, thị trường chứng khoán mới hình thành và hiểu biết về CMKT còn nhiều hạn chế.

*Chậm cập nhật so với thông lệ và Chuẩn mực quốc tế:* CMKT quốc tế đã có nhiều thay đổi nhưng VAS ban hành từ năm 2005 đến nay vẫn chưa được cập nhật, đã dần không theo kịp với những biến động của nền kinh tế.

*Ảnh hưởng của cơ chế đặc thù trong nước:* Tại thời điểm ban hành VAS, cơ chế quản lý còn tồn tại nhiều bất cập, chịu sự ảnh hưởng của khối DN Nhà nước nên việc áp dụng chung một chính sách cho tất cả các DN thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, một số quy định của VAS phải hướng đến phục vụ công tác quản lý của DN Nhà nước. Mặt khác, do phạm vi áp dụng chưa rõ ràng nên một số chính sách tài chính và kế toán còn có sự chồng chéo, khác biệt, gây khó khăn cho việc tuân thủ pháp luật của DN.

*Thiếu nguồn nhân lực, vật lực:* Nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán có trình độ hiểu biết về Chuẩn mực quốc tế còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, kể cả tại các cơ quan hoạch định chính sách, quản lý, giám sát. Ngoài ra, việc không có đủ nguồn kinh phí cần thiết cho việc nghiên cứu, đào tạo trên tất cả các đối tượng từ các nhà hoạch định chính sách, cơ sở đào tạo, DN,… cũng tạo nên sự hạn chế của VAS và Chế độ kế toán.

**5. Một số kiến nghị**

Để đẩy nhanh việc áp dụng IFRS tại Việt Nam, cần có sự vào cuộc tích cực của các cấp các ngành và chính bản thân các DN. Cụ thể:

***Về phía Nhà nước***

- Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong việc áp dụng chuẩn mực BCTC đến các DN.

- Giám sát việc tuân thủ chuẩn mực đối với các DN trong việc trình bày và công bố thông tin.

- Hoàn thiện hành lang pháp lý về các luật, nghị định và thông tư hướng dẫn góp phần lành mạnh hóa môi trường pháp lý đối với hoạt động kế toán nói riêng và lĩnh vực kinh tế nói chung.

- Đảm bảo tính độc lập về lợi ích khi ban hành các CMKT cũng như các quy định về thuế.

- Nghiên cứu ban hành chuẩn mực và thông tư hướng dẫn chuẩn mực phù hợp, thống nhất trong bối cảnh CMCN 4.0.

- Nâng cao vai trò của Hội đồng Kế toán quốc gia. Hội đồng cần đảm trách vai trò như một tổ chức tư vấn độc lập đối với việc xây dựng hệ thống chuẩn mực VAS cả trong quy định lẫn trong thực tiễn áp dụng.

- Cần có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện hơn nữa để các công ty nước ngoài đầu tư vào dịch vụ kế toán, kiểm toán nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

***Về phía doanh nghiệp***

Đối với DN, theo nhận định của các chuyên gia, các DN cần phải nỗ lực để đáp ứng yêu cầu đặc biệt các ngân hàng, bảo hiểm cũng như các công ty niêm yết nhằm đáp ứng trong xu thế hội tụ kế toán quốc tế. Do vậy, các DN cần phải: Nhận thức được tầm quan trọng trong việc tuân thủ các quy định; Tìm hiểu để nâng cao kiến thức bởi các nhà quản lý là những người trực tiếp quyết định trong việc thực hiện các quy định trong chuẩn mực; Nâng cao năng lực đội ngũ hành nghề kế toán.

Đội ngũ hành nghề kế toán là người trực tiếp vận dụng chuẩn mực BCTC vào thực tiễn trong các DN. Do đó đội ngũ hành nghề cần được đào tạo liên tục để nâng cao năng lực nhằm vận dụng chuẩn mực một cách có hiệu quả; Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin và quản trị để đáp ứng cơ sở hạ tầng kế toán cho DN.

***Về phía tổ chức nghề nghiệp***

- Vai trò của Tổ chức nghề nghiệp phải được nâng cao để trở thành một tổ chức nghề nghiệp đủ mạnh có thể đảm trách việc soạn thảo chuẩn mực cũng như giám sát thực thi chuẩn mực của các DN.

- Để có thể thực hiện trọng trách, tổ chức nghề nghiệp cần tổ chức lại nhân sự, củng cố đội ngũ bằng việc huy động lực lượng các nhà nghiên cứu, chuyên gia, các công ty kiểm toán, nhà làm luật, các kế toán trưởng.

- Tổ chức nghề nghiệp tham gia đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn cho các nhà quản lý, những người hành nghề để cập nhật kiến thức nâng cao nghiệp vụ.

- Khuyến khích biên soạn các tài liệu hướng dẫn và giải thích về chuẩn mực BCTC nhằm tạo sự đa dạng và phong phú nguồn tư liệu, giúp người sử dụng được hiểu rõ những nội dung, các vấn đề, nội dung trong chuẩn mực.

- Tăng cường hơn nữa việc kết hợp với các tổ chức nghề nghiệp nước ngoài, để mở rộng các khóa đào tạo để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho người hành nghề.

- Đổi mới việc tổ chức thi và cấp chứng chỉ đối với người hành nghề (CPA Việt Nam), trong đó cần đổi mới nội dung đề thi theo hướng mở rộng giải quyết các vấn đề trên cơ sở nguyên tắc, quy định liên quan đến chuẩn mực hơn là xử lý các nghiệp vụ trên tài khoản để nâng cao tính xét đoán trong nghề nghiệp.

- Giữ vai trò hỗ trợ và phản biện trong việc xây dựng và ban hành các CMKT cũng như các chính sách, chế độ liên quan đến kế toán.

- Đổi mới chương trình đào tạo và cải tiến phương pháp giảng dạy là một trong những vấn đề quan trọng, góp phần nâng cao cơ sở hạ tầng về kế toán, trong đó các cơ sở giáo dục bao gồm trường đại học, cao đẳng, các học viện cần đổi mới chương trình đào tạo ngành kế toán kiểm toán theo hướng tăng cường giảng dạy các nội dung liên quan đến VAS và quốc tế hơn là giảng dạy kỹ năng, xử lý tài khoản kế toán như hiện nay để đào tạo người hành nghề kế toán có năng lực cao và có thể vận dụng tốt chuẩn mực BCTC.

Việc tuân thủ và vận dụng các chuẩn mực kế toán đóng một vai trò rất quan trọng trong công tác kế toán và hoạt động quản lý của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp vận dụng nghiêm túc các chuẩn mực kế toán sẽ tạo ra được nhiều cơ hội kinh doanh nghiệp vì bản thân các chuẩn mực các kế toán đã thể hiện tính minh bạch và chính xác trong các nội dung đo lường và công bố thông tin. Tuy nhiên, việc vận dụng các chuẩn mực kế toán lại phụ thuộc nhiều vào chế độ kế toán, mà chế độ kế toán thường xuyên thay đổi theo sự phát triển kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng của CMKT Việt Nam từ khi ban hành đến nay, tìm hiểu những ưu điểm, những mặt tồn tại và hạn chế trong quá trình vận dụng và triển khai CMKT. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự ra đời của CMKT là góp phần nâng cao tính minh bạch, trung thực của BCTC, nhất là trong giai đoạn hội nhập với nền kinh tế quốc tế với sự tham gia hoạt động của nhiều DN nước ngoài tại Việt Nam. Trước xu thế toàn cầu hoá và hội nhập khu vực, việc duy trì VAS/VFRS cho các BCTC của DN được xem là một trong những rào cản để thu hút đầu tư từ nước ngoài, thu hút vốn ngoại có giá thấp trên các thị trường vốn quốc tế. BCTC của nhiều DN Việt Nam hiện đang bị đánh giá chưa minh bạch, chưa phản ánh đúng tình hình tài chính và kinh doanh của tổ chức...

**Tài liệu tham khảo:**

*Bộ Tài chính (2005), Hệ thống 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*

*Bộ Tài chính (2014), Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

*Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*

*Bộ Tài chính (2014), Báo cáo đánh giá chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam*

*Bùi Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Phương Thảo (2022),Thực trạng áp dụng chuẩn mực kế toán tại Việt Nam, Tạp chí Công thương*

*Trần Đình Khôi Nguyên (2010), Bàn về mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chế độ kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Tạp chí Khoa học công nghệ*

*Hồ Phan Minh Đức (2013), Nghiên cứu tình hình vận dụng chế độ kế toán của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Tạp chí khoa học*

*Nguyễn Thị Cẩm Vân (2018), Chuẩn mực kế toán hàng tồn kho: từ lý thuyết đến thực tiễn vận dụng trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia 2018 "Công nghệ thông tin và ứng dụng trong các lĩnh vực"*

*Nguyễn Thị Cẩm Vân, Lê Thị Minh Hằng (2018), Nghiên cứu thực trạng vận dụng chuẩn mực kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng, số 8(129)*

*Trịnh Lê Tân (2019), Chuẩn mực kế toán Việt Nam và tính cấp thiết áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế, Tạp chí Tài chính*

*IASB (2010), The Conceptual Framework for Financial Reporting, was approved September, 2010*

*IASB (2010), IFRS Practice Statement Management Commentary*

*Các website: sav.gov.vn, tapchitaichinh.vn, thoibaotaichinhvietnam.vn...*

*https://tapchicongthuong.vn/thuc-trang-ap-dung-chuan-muc-ke-toan-tai-viet-nam-99661.htm*

*https://tapchicongthuong.vn/chuan-muc-ke-toan-cong-quoc-te-va-su-can-thiet-ap-dung-chuan-muc-ke-toan-cong-quoc-te-tai-viet-nam-89043.htm*

*https://tapchitaichinh.vn/lo-trinh-va-giai-phap-ap-dung-chuan-muc-ke-toan-quoc-te-trong-thuc-te-tai-viet-nam.html*

*https://tapchinganhang.gov.vn/giai-phap-va-lo-trinh-ap-dung-chuan-muc-bao-cao-tai-chinh-quoc-te-doi-voi-he-thong-cac-to-chuc-tin-d.htm*